

Bản án số: 14/2018/HS-ST
Ngày: 22-3-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đình Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Xuân Ty
2. Bà Nguyễn Thị Kim Huế.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bắc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Hồ Ngọc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2018 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố B (Tp.B), tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 13/2018/TLST-HS ngày 09 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2018/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 3 năm 2018 đối với các bị cáo:

1/ Họ Và Tên: Nguyễn Đức M; Tên gọi khác: M Bắc Kỳ; sinh ngày: 09/3/1998; tại: Nghệ An; NĐKNKTT: Thôn T, xã L, Tp. B, tỉnh Lâm Đồng; nơi cư trú: Tổ X, phường L, Tp. B, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Phụ hồ; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Đức Th và bà Hồ Thị Ng; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 44/2015/HSST ngày 18/6/2015 của Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt Nguyễn Đức M 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 12 tháng về tội trộm cắp tài sản. Bản án số 09/2016/HSST ngày 28/01/2016 của Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt Nguyễn Đức M 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Tổng hợp hình phạt với bản án số 44/2015/HSST ngày 18/6/2015 buộc bị cáo chấp hành 12 tháng tù. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt vào ngày 17/10/2016, đã được xóa án tích; bị bắt, tạm giam từ ngày 24/10/2017 đến nay; có mặt.

2/ Họ và tên: Châu Kim Th; sinh ngày 01/3/1998; tại: Lâm Đồng; NĐKNKTT: Tổ Y, phường L, Tp. B, tỉnh Lâm Đồng; nơi cư trú: Số Z, đường P, phường Y, Tp. B, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Nhân viên tiếp thị; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; con ông: Châu Ngọc Ch và bà: Trương Thị Đ; vợ, con: Chưa có; Tiền án: bản án số 70/2016/HSST ngày 29/6/2016 của Tòa án nhân dân TP. B xử phạt Châu Kim Th 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 18 tháng về tội lạm dụng tín

nhiệm chiếm đoạt tài sản; tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 24/10/2017 đến nay; có mặt.

- *Người bị hại:*

Chị Trần Thị Bích Ph, sinh năm: 1999; Nơi cư trú: Số X, đường L, xã Y, TP. B, tỉnh Lâm Đồng, có mặt;

Anh Đặng Quang V, sinh năm: 1993; nơi cư trú: Thôn X, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt;

Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1962; nơi cư trú: Số S, đường L, xã T, TP. B, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Ông Trần Văn D, sinh năm: 1968; nơi cư trú: Số Y, đường L, xã Th, TP. B, tỉnh Lâm Đồng, có mặt;

Anh Trần Văn L, sinh năm: 1993; nơi cư trú: Thôn Y, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào ngày 16/10/2017 Nguyễn Đức M rủ Châu Kim Th đi trộm cắp tài sản, Th đồng ý. Th sử dụng xe mô tô biển số 60S4-5936 chở M đi lòng vòng trên nhiều tuyến đường ở thành phố B và huyện B để tìm xe máy trộm cắp. Khi đi tới khu vực đất trống thuộc tổ X, phường L, TP. B nhìn thấy ba xe mô tô không có người trông coi, M nói Th dừng xe lại. M đi tới xe mô tô nhãn hiệu Citi màu đỏ, biển số 49M2-3315 của chị Trần Thị Bích Ph, dùng tay bẻ gãy khóa cổ, dùng kéo cắt dây điện xe, đạp nổ máy chạy xe ra hướng đường L đổi xe cho Châu Kim Th điều khiển. Cả hai mang xe về phòng trọ ở số M, đường P, phường X, thành phố B. Để tránh bị phát hiện M và Th tháo biển số, tháo tem xe, mài mòn số khung, số máy và mua tem mới dán vào xe mới trộm cắp được để sử dụng, đến ngày 23/10/2017 thì bị Cơ quan công an phát hiện bắt giữ. Theo Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 85/KL-HĐĐG ngày 24/10/2017 của Hội đồng định giá Tp. B xác định: Chiếc xe mô tô biển số 49M2-3315 của chị Ph bị chiếm đoạt có trị giá 8.100.000đ (Tám triệu một trăm nghìn đồng). Về vật chứng và trách nhiệm dân sự: Cơ quan điều tra đã thu hồi và trả lại chiếc xe nêu trên cho ông Trần Thanh D là chủ sở hữu sau khi nhận lại tài sản ông D không yêu cầu bồi thường về dân sự.

Quá trình điều tra Nguyễn Đức M còn khai nhận hai lần trộm cắp tài sản tại địa bàn TP. B cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 19 giờ ngày 03/08/2017 Nguyễn Đức M đi bộ ngang qua số nhà X, đường L, xã T, TP. B thấy xe mô tô nhãn hiệu Havico màu nâu, biển số

49N2-5178 của ông Nguyễn Văn H đang dựng ở trước sân, xe không có ai trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp. M đi vào sân dắt xe ra đường rồi dùng tay giật đứt dây điện, nổ máy chạy xe về vườn cà phê ở gần nhà cất giấu. Đến ngày 04/08/2017, M cùng Phạm Long Th, sinh ngày 06/6/2000 đi đến tiệm sửa xe của anh Trần Văn L, mượn dụng cụ gỡ máy xe của ông H gắn vào xe mô tô nhãn hiệu Wave biển số 49V5-6443 của M để sử dụng. Còn lại phần khung xe hiệu Havico của ông H và phần máy xe hiệu Wave của M thì M bán cho anh L được 450.000đ (bốn trăm năm mươi ngàn đồng). Anh L lắp ráp lại thành một chiếc xe để sử dụng. Theo Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 02a/KL-HĐĐG ngày 17/01/2018 của Hội đồng định giá Tp. B kết luận: Chiếc xe mô tô hiệu Havico biển số 49N2-5178 của ông H bị chiếm đoạt có giá trị 1.800.000đ (một triệu tám trăm ngàn đồng).

Vật chứng của vụ án: Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ của Nguyễn Đức M một vỏ ốc máy màu trắng không có đầu nòng, đây là phần máy của xe mô tô hiệu Havico do Nguyễn Đức M trộm cắp của ông Nguyễn Văn H. Ngoài ra còn thu giữ của anh Trần Văn L một xe mô tô Deahan, số khung RMKDCG5UM6K 509963, số máy VDMD100.0018635. Về trách nhiệm dân sự: Sau khi thu giữ các bộ phận của xe mô tô bị mất ông Nguyễn Văn H không đồng ý nhận lại vì xe đã bị tháo rời các bộ phận và yêu cầu được bồi thường số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng). Hiện nay bị cáo chưa bồi thường. Anh Trần Văn L không yêu cầu Nguyễn Đức M bồi thường về phần dân sự.

Lần thứ hai: Vào khoảng tháng 09/2017 (không nhớ rõ thời gian cụ thể). Nguyễn Đức M rủ Phạm Long Th đi trộm cắp tài sản, Th đồng ý. Cả hai sử dụng xe mô tô không nhớ biển số của M đi vào hướng đường L, thấy xe mô tô kiểu dáng Wave, màu đỏ của anh Đặng Quốc V đang dựng ở lề đường L, xe không có người trông coi. M dùng xe đứng canh gác, Th xuống lấy trộm xe mô tô của anh V mang đến vườn cà phê sau lưng trường Trung học cơ sở C, phường L, TP. B cất giấu. Sáng hôm sau Th tới lấy xe mang vào vườn cà phê của ông Đỗ Văn B, tại thôn X, xã L, huyện B cất giấu. Khoảng 02 đến 03 ngày sau Th quay lại để lấy xe thì phát hiện xe đã bị mất. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an TP. B đã tiến hành trưng cầu định giá tài sản, nhưng vì tài sản không thu hồi được, người bị hại cũng không cung cấp được giấy tờ, đặc điểm, chủng loại, giá trị xe tại thời điểm mua nên hội đồng định giá đã từ chối định giá tài sản. Về vật chứng và trách nhiệm dân sự: Cơ quan Cảnh sát Điều tra không thu hồi lại được xe mô tô trên. Anh Đặng Quốc V không có yêu cầu về bồi thường dân sự.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng đã nêu, không có thắc mắc khiếu nại đối với nội dung bản cáo trạng. Các Bị cáo nhận thức hành vi trộm cắp của mình là vi phạm pháp luật. Người bị hại ông Nguyễn Văn H yêu cầu bị cáo M bồi thường số tiền 1.800.000đ (một triệu tám trăm ngàn đồng); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có yêu cầu về phần dân sự.

Bản Cáo trạng số 17/CT-VKS.BL ngày 09 tháng 02 năm 2018 của Viện kiểm

sát nhân dân Tp. B, tỉnh Lâm Đồng truy tố các bị cáo Nguyễn Đức M, Châu Kim Th về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 03/8/2017 đến ngày 16/10/2017 tại địa bàn thành phố B, tỉnh Lâm Đồng Nguyễn Đức M đã ba lần trộm cắp tài sản của người khác tổng giá trị là 9.900.000đ (chín triệu chín trăm ngàn đồng). Châu Kim Th một lần trộm cắp tài sản trị giá 8.100.000đ (tám triệu một trăm ngàn đồng). Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an tại địa phương, do đó Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo M từ 18 đến 24 tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Th từ 12 đến 15 tháng tù. Áp dụng Điều 51 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt với 09 tháng tù tại bản án số 70/2016/HSST ngày 29/6/2016 của Tòa án nhân dân thành phố B, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án từ 21 đến 24 tháng tù và đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Buộc bị cáo M phải bồi thường cho ông H số tiền 1.800.000đ (một triệu tám trăm ngàn đồng); Giao chiếc xe mô tô Deahan, số khung RMKDCG5UM6K 509963, số máy VDMD100.0018635 cho cơ quan Công an TP. B xử lý theo thẩm quyền; tịch thu tiêu hủy một vỏ ốc máy màu trắng không có đầu nòng.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là sai, các bị cáo xin lỗi người bị hại và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo sớm trở về đoàn tụ với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an Tp. B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Tp. B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lợi dụng sơ hở của người quản lý tài sản, Nguyễn Đức M đã ba lần trộm cắp tài sản của người khác, tổng trị giá thiệt hại về tài sản là 9.900.000đ (chín triệu chín trăm ngàn đồng). Châu Kim Th một lần trộm cắp tài sản, giá trị thiệt hại 8.100.000đ (tám triệu một trăm ngàn đồng). Hành vi của các bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội danh và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm tới quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, do vậy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra. Tuy nhiên khi lượng hình cũng cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định trong Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo: Các bị cáo thành khẩn khai báo quy định tại điểm p, khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Th phạm tội khi chưa được xóa án tích nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm”, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự.

Xét về nhân thân: Bị cáo M có 02 án tích, cụ thể: Tại bản án số 44/2015/HSST ngày 18/6/2015 của Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt Nguyễn Đức M 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 12 tháng về tội trộm cắp tài sản. Bản án số 09/2016/HSST ngày 28/01/2016 của Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt Nguyễn Đức M 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Tổng hợp hình phạt với bản án số 44 ngày 18/6/2015 buộc bị cáo chấp hành 12 tháng tù. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt vào ngày 17/10/2016, đã được xóa án tích. Bị cáo Th có 01 tiền án: Tại bản án số 70/2016/HSST ngày 29/6/2016 của Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt Châu Kim Th 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án (29/6/2016) về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Xét thấy: Các bị cáo đều có nhân thân xấu, không thể tự mình cải tạo, cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa. Bị cáo Th phạm tội mới trong thời gian thử thách do vậy cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định. Trong vụ án này bị cáo M là người khởi xướng và trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp, ngoài ra bị cáo M còn thực hiện 02 (hai) vụ trộm cắp khác. Bị cáo Th là người giúp sức, do vậy cần áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo M cao hơn bị cáo Th.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Chị Ph, anh V, ông D, anh L không yêu cầu bồi thường nên không xem xét. Ông H yêu cầu bị cáo M phải bồi thường giá trị chiếc xe là 1.800.000đ (một triệu tám trăm ngàn đồng). Đây là yêu cầu chính đáng phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận, buộc bị cáo M có nghĩa vụ bồi thường cho ông H số tiền 1.800.000đ (một triệu tám trăm ngàn đồng).

[4]. Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô Deahan, số khung RMKDCG5UM6K 509963, số máy VDMD100.0018635 không có giấy tờ hợp pháp cần giao cho cơ quan Công an TP. B xử lý theo thẩm quyền; 01(một) vỏ lốc máy màu trắng không có đầu nòng xét không sử dụng được cần tịch thu tiêu hủy.

[5]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức M và bị cáo Châu Kim Th phạm tội “ Trộm cắp tài sản”;

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999: Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức M 24 (hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 24/10/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33; điểm g khoản 1 Điều 48; khoản 5 Điều 60; Điều 51 Bộ luật hình sự năm 1999: Xử phạt bị cáo Châu Kim Th 15 (mười lăm) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 09 tháng tù tại bản án số 70/2016/HSST ngày 29/6/2016 của Tòa án nhân dân Th phố B, tỉnh Lâm Đồng buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 (hai) bản án là 24 (hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 24/10/2017.

2/ Về phần dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 589 Bộ luật dân sự: Buộc Nguyễn Đức M bồi thường cho ông Nguyễn Văn H số tiền 1.800.000đ (một triệu tám trăm ngàn đồng)

3/ Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu tiêu hủy: 01(một) vỏ ốc máy màu trắng không có đầu nòng. Giao cho cơ quan Công an TP. B xử lý theo thẩm quyền đối với chiếc xe mô tô Deahan, số khung RMKDCG5UM6K 509963, số máy VDMD100.0018635 (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/3/2018 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B).

4/ Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015 và Nghị quyết số 326 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo M phải nộp thêm 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu Thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo, riêng những người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;

- VKSND TP B;
- Người tham gia tổ tụng
- Chi cục T.H.A dân sự tp B;

Trịnh Đình Tú

